Xếp hạng	Tên trường	Xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng được công nhận	Xếp hạng tiêu chuẩn dạy học	Xếp hạng tiêu chuẩn công bố bài báo khoa học	Xếp hạng tiêu chuẩn nhiệm vụ khoa học công nghệ và sáng chế	Xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng người học	Xếp hạng tiêu chuẩn cơ sở vật chất	Tổng điểm
1	Đại học Quốc gia Hà Nội (Công lập)	1	30	8	1	9	123	100,00
2	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Công lập)	3	6	3	2	22	1	99,83
3	Trường Đại học Tôn Đức Thắng (Công lập)	2	48	1	25	45	8	95,00
4	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công lập)	6	1	6	3	4	2	84,26
5	Trường Đại học Duy Tân (Tư thục)	4	52	2	14	126	166	83,94
6	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	5	5	4	48	8	147	79,18
7	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Công lập)	16	2	32	9	11	25	66,52
8	Trường Đại học Thương Mại (Công lập)	13	10	39	34	5	36	63,14
9	Trường Đại học Cần Thơ (Công lập)	112	4	14	4	47	19	62,28
10	Đại học Đà Nẵng (Công lập)	10	42	20	12	34	21	62,13
11	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (Tư thục)	7	75	7	10	139	144	61,16
12	Đại học Huế (Công lập)	9	62	34	6	44	7	60,76
13	Trường Đại học Thủy lợi (Công lập)	21	20	25	16	35	23	59,48
14	Trường Đại học Vinh (Công lập)	17	41	50	18	12	5	58,74
15	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	15	56	16	20	77	141	58,11
16	Trường Đại học Kinh tế quốc dân (Công lập)	120	3	15	19	3	24	57,98
17	Trường Đại học Quy Nhơn (Công lập)	20	17	54	30	82	29	57,19
18	Trường Đại học Thủ Dầu Một (Công lập)	7	77	17	36	99	127	56,46
19	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (Công lập)	13	40	58	29	41	159	56,05
20	Trường Đại học Dược Hà Nội (Công lập)	46	7	37	21	17	169	55,86
21	Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Công lập)	42	28	35	7	72	4	55,80
22	Học viện Ngân hàng (Công lập)	46	9	38	24	16	143	55,59
23	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	31	25	28	28	14	140	55,30
24	Trường Đại học Ngoại thương (Công lập)	35	35	29	26	1	156	54,91
25	Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	27	39	19	39	71	157	54,04
26	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	39	14	44	77	13	122	53,98
27	Trường Đại học Giao thông vận tải (Công lập)	36	19	49	11	53	152	53,95
28	Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Công lập)	38	15	24	17	96	155	53,88
29	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông (Công lập)	46	12	56	13	30	138	53,67
30	Trường Đại học Y tế Công cộng (Công lập)	41	34	12	66	108	133	53,44
31	Đại học Thái Nguyên (Công lập)	26	86	26	8	36	6	53,06
32	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (Công lập)	162	32	5	117	63	56	52,46
33	Trường Đại học Đà Lạt (Công lập)	469	22	68	51	61	42	51,66
34	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Công lập)	115	13	40	15	763	153	51,55
35	Trường Đại học Hồng Đức (Công lập)	12	97	96	38	37	11	51,50
36	Trường Đại học Y Hà Nội (Công lập)	120	55	10	41	21	27	51,37
37	Trường Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	116	26	47	23	40	3	51,30
38	Trường Đại học Đồng Tháp (Công lập)	19	93	61	44	31	11	51,13
39	Trường Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh (Tư thục)	11	135	9	59	119	167	51,05
40	Học viện Tài chính (Công lập)	46	47	82	33		112	50,52
41	Trường Đại học Văn Lang (Tư thục)	22	65	42	72	86	168	50,49
42	Trường Đại học Điện lực (Công lập)	120	8	69	76	68	32	50,38
43	Trường Đại học Giao thông vận tải TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	42	88	11	45	51	129	49,75

Xếp hạng	Tên trường	Xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng được công nhận	Xếp hạng tiêu chuẩn dạy học	Xếp hạng tiêu chuẩn công bố bài báo khoa học	Xếp hạng tiêu chuẩn nhiệm vụ khoa học công nghệ và sáng chế	Xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng người học	Xếp hạng tiêu chuẩn cơ sở vật chất	Tổng điểm
44	Trường Đại học Phenikaa (Tư thục)	33	113	18	5	89	38	49,71
45	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (Công lập)	46	38	83	47	19	131	49,52
46	Trường Đại học Tài chính - Marketing (Công lập)	46	57	33	71	27	177	49,15
47	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên (Công lập)	114	29	46	63	119	130	49,01
48	Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải (Công lập)	46	61	30	42	86	175	48,05
49	Trường Đại học Kiến Trúc TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	46	24	90	136	57	181	48,05
50	Trường Đại học Tài nguyen và Môi trường Hà Nội (Công lập)	24	67	79	35	92	189	47,65
51	Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Công lập)	120	18	128	55	6	56	47,36
52	Trường Đại học Sài Gòn (Công lập)	46	60	60	43	46	171	47,20
53	Trường Đại học Thăng Long (Tư thục)	120	11	75	152	52	158	46,99
54	Trường Đại học Nha Trang (Công lập)	120	21	52	32	122	132	46,72
55	Trường Đại học Luật Hà Nội (Công lập)	120	23	137	53	25	10	46,66
56	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (Công lập)	46	53	129	56	59	134	46,51
57	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (Công lập)	46	68	127	27	65	20	46,50
58	Học viện Phụ nữ Việt Nam (Công lập)	46	45	179	69	81	33	46,43
59	Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	120	37	57	52	10	162	46,18
60	Trường Đại học Văn hóa TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	46	44	174	85	93	121	45,46
61	Trường Đại học Nam Cần Thơ (Tư thục)	23	74	158	106	110	135	45,45
62	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (Tư thục)	46	76	59	96	107	38	45,17
63	Học viện Chính sách và Phát triển (Công lập)	120	31	121	125	15	117	45,05
64	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam (Công lập)	120	66	45	22	39	119	44,94
65	Trường Đại học Công Thương (Công lập)	39	72	41	67	112	183	44,89
66	Trường Đại học FPT (Tư thục)	42	85	53	100	130	22	44,74
67	Trường Đại học Công Đoàn (Công lập)	120	43	93	118	97	9	44,54
68	Trường Đại học Kiên Giang (Công lập)	46	79	103	152	49	56	44,21
69	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.Hồ Chí Minh (Tư thục)	18	143	51	88	128	114	44,19
70	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Công lập)	46	89	55	152	28	146	44,18
71	Học viện Hành chính Quốc gia (Công lập)	46	69	134	40	58	150	44,06
72	Học viện Ngoại giao (Công lập)	33	91	124	82	2	12	44,05
73	Trường Đại học Tây Nguyên (Công lập)	46	106	66	50	84	11	43,63
74	Trường Đại học Hải Phòng (Công lập)	120	51	113	93	102	11	43,38
75	Trường Đại học Lao động - Xã hội (Công lập)	120	36	119	81	83	154	42,83
76	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Công lập)	120	49	92	64	54	170	42,82
77	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (Công lập)	120	54	85	61	29	176	42,79
78	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (Tư thục)	113	82	36	152	125	188	42,70
79	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (Công lập)	120	27	139	129	48	182	42,89
80	Trường Đại học Tây Đô (Tư thục)	24	104	132	96	146	42	42,56
81	Trường Đại học Y khoa Vinh (Công lập)	46	98	115	152	75	56	42,31
82	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Công lập)	46	71	110	1633	101	173	41,85
83	Trường Đại học Mở Hà Nội (Công lập)	120	46	153	57	67	160	41,84
84	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột (Tư thục)	46	83	161	152	104	56	41,58
85	Trường Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh (Công lập)	118	111	21	68	20	145	41,58
86	Trường Đại học Y Dược Thái Bình (Công lập)	120	78	73	124	62	42	41,53

Xếp hạng	Tên trường	Xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng được công nhận	Xếp hạng tiêu chuẩn dạy học	Xếp hạng tiêu chuẩn công bố bài báo khoa học	Xếp hạng tiêu chuẩn nhiệm vụ khoa học công nghệ và sáng chế	Xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng người học	Xếp hạng tiêu chuẩn cơ sở vật chất	Tổng điểm
87	Học viện Quản lý giáo dục (Công lập)	120	58	131	74	151	11	41,52
88	Trường Đại học Trà Vinh (Công lập)	27	134	95	37	98	30	41,51
89	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (Công lập)	46	94	108	119	74	142	41,40
90	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu (Công lập)	29	117	89	133	138	56	41,33
91	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng (Công lập)	46	109	62	136	78	149	41,10
92	Trường Đại học Công nghệ Đông Á (Tư thục)	46	50	163	152	177	186	41,05
93	Trường Đại học Hoa Sen (Tư thục)	31	96	107	145	143	172	40,72
94	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (Tư thục)	46	95	106	96	85	174	40,71
95	Trường Đại học Hạ Long (Công lập)	46	100	147	119	113	33	40,51
96	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh (Công lập)	46	90	136	122	174	56	39,86
97	Trường Đại học Tây Bắc (Công lập)	46	138	112	62	32	11	39,81
98	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Công lập)	46	99	148	101	145	111	39,73
99	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung (Công lập)	46	73	155	95	176	148	39,51
100	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (Công lập)	163	33	181	65	18	136	39,23